

Số: 104 /QĐ-THVTS

Quận 7, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 9 tháng năm 2023
của Trường Tiểu học Võ Thị Sáu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VÕ THỊ SÁU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 8479/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND quận 7 về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 9 tháng năm 2023 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Võ Thị Sáu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Như điều 3;
- Niêm yết tại văn phòng, bảng tin của trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Phong

Quận 7, ngày tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường tiểu học Võ Thị Sáu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023

Đvt: Ngân đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ	-	1.985.815	1	-
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	29.463.271	15.346.556	0	-
1	Thu sự nghiệp:	14.893.110	8.403.596		-
1.1	Học phí 2 buổi	497.700	254.100	51%	
1.2	Tổ chức PVBT	2.532.600	1.470.200	58%	
1.3	TATC	510.300	335.205	66%	
1.4	Vệ sinh phí	361.800	183.775	51%	
1.5	Tin học	750.150	396.812	53%	
1.6	Thiết bị VDBT	301.500	13.560	4%	
1.7	TABN	1.275.750	639.315	50%	
1.8	Bơi	284.130	139.601	49%	
1.9	Kỹ năng sống	1.455.840	738.780	51%	
1.10	TA tích hợp	3.931.740	2.328.048	59%	
1.11	TA Toán - Khoa	1.206.000	612.625	51%	
1.12	Ngoại khóa	1.440.000	1.080.300	75%	
1.13	Tin học quốc tế	345.600	211.275	61%	

Ngày tháng 10 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Thu hộ:	14.570.161	6.942.960	48%	-
2.1	Tiền ăn BT	12.311.250	6.163.745	50%	
2.2	Nước uống BT	271.350	137.816	51%	
2.3	Đề kiểm tra	116.800	70	0%	
2.4	CSCKBD	70.000	79.655	114%	
2.5	Điện	454.950	241.526	53%	
2.6	Hoa hồng BHYT	25.000	20.474	82%	
2.7	BHYT HS	1.138.831	299.584	26%	
2.8	SLL điện tử	181.980	90	0%	
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	29.463.271	13.360.741		-
I	Chi sự nghiệp:	14.893.110	6.689.621	45%	-
1.1	Học phí 2 buổi	497.700	217.798	44%	
1.2	Tổ chức PVB	2.532.600	1.505.384	59%	
1.3	TATC	510.300	313.161	61%	
1.4	Vệ sinh phí	361.800	180.044	50%	
1.5	Tin học	750.150	161.751	22%	
1.6	Thiết bị VDBT	301.500	13.560	4%	
1.7	TABN	1.275.750	608.680	48%	
1.8	Bơi	284.130	138.523	49%	
1.9	Kỹ năng sống	1.455.840	672.618	46%	
1.10	TA tích hợp	3.931.740	1.246.600	32%	
1.11	TA Toán - Khoa	1.206.000	569.332	47%	
1.12	Ngoại khóa	1.440.000	965.431	67%	
1.13	Tin học quốc tế	345.600	96.739	28%	
2	Chi hộ:	14.570.161	6.671.120	46%	-
2.1	Tiền ăn BT	12.311.250	6.036.765	49%	
2.2	Nước uống BT	271.350	135.069	50%	
2.3	Đề kiểm tra	116.800	67.233	58%	
2.4	CSCKBD	70.000	46.670	67%	
2.5	Điện	454.950	376.861	83%	
2.6	Hoa hồng BHYT	25.000	1.200	5%	
2.7	BHYT HS	1.138.831	7.322	1%	
2.8	SLL điện tử	181.980	-	0%	
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	14.707.000	8.699.789	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.720.000	5.913.904		
1.3	(NQ 03)	5.809.000	2.785.885		
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	178.000			